

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BIT5**
Mã MH/MĐ: **MH003269**
Tên MH/MĐ: **Thực tập chuyên môn**
Số TC: **3**

Năm học: **23-24**
Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
2	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982			10	8.5	8.5		8.5		8.6
3	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
4	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
5	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985			8	8.0	8.0		8.0		8.0
6	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988			8	8.0	8.0		8.0		8.0
7	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001			7	8.5	8.5		8.5		8.4
8	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993			9	8.5	8.5		8.5		8.5
9	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992			9.5	9.0	9.0		9.0		9.0
10	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988			9	9.0	9.0		9.0		9.0
11	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973			8.5	9.0	9.0		9.0		9.0
12	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001			8.5	9.0	9.0		9.0		9.0
13	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001			8.5	9.0	9.0		9.0		9.0
14	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968			8.5	9.0	9.0		9.0		9.0

Châu Đốc, ngày 23 tháng 10 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà